

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/KDTM-PT

Ngày: 12/01/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm Phán:

1. Bà Vũ Thị Hương

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng— Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/KDTMPT ngày 21/01/2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4992/2021/QĐXX-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V

Địa chỉ: Lô A59/1 Đường Số 7, Khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh B, chức vụ Tổng Giám đốc.

2. ***Bị đơn:*** Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B.

Địa chỉ: Khu hành chính, Đường số 7, Khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nghiêm Xuân T;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Thái B theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2021.

Địa chỉ liên lạc: Khu hành chính, Đường số 7, Khu công nghiệp V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V có ông Trần Thanh B là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 12/5/2010 Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V (sau đây gọi là Công ty V) có ký Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 180BVL10 với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B (sau đây gọi là Ngân hàng), Công ty V vay Ngân hàng số tiền 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay 13 năm. Để đảm bảo cho khoản vay Công ty V đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất (Khu lưu trú Công nhân KCN V gồm 03 Block chung cư 09 tầng lô D1, D2, D3) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu công trình xây dựng hình thành trong tương lai số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013.

Thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng trên. Ngân hàng đã ký Biên bản xác nhận nợ số 854/KCNVL-KHTCKT ngày 25/6/2019 là 0 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng không xóa thế chấp và không trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty V.

Công ty V yêu cầu Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh buộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B hoàn trả cho Công ty V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp (Khu lưu trú Công nhân KCN Vĩnh Lộc gồm 03 Block chung cư 09 tầng lô D1, D2, D3).

Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B có ông Phạm Thanh B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng thừa nhận nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, số tiền vay như nguyên đơn trình bày, Ngân hàng cũng thừa nhận Công ty V đã thanh toán xong khoản nợ đã vay. Tuy nhiên, do Công ty V có bảo lãnh cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng C (sau đây gọi là Công ty C) vay Ngân hàng với số tiền 50.000.000.000 đồng. Nay Công ty C không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ thay cho Công ty C.

Để đảm bảo cho việc bảo lãnh thì Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp (Khu lưu trú Công nhân

KCN V gồm 03 Block chung cư 09 tầng lô D1, D2, D3) và không đồng ý trả lại.

Ngày 05/11/2020 Ngân hàng có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty V: phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty C còn nợ quá hạn tạm tính đến ngày 30/10/2020 là 47.890.580.839 đồng (trong đó nợ gốc: 18.319.065.046 đồng, lãi trong hạn: 21.022.537.975 đồng, lãi quá hạn: 8.548.977.818 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ; nếu Công ty V không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả thay cho Công ty C thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường để thu hồi nợ.

Tại Bản án số 129/2020/KDTM-ST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V về việc buộc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B trả cho Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp (Khu lưu trú Công nhân KCN V gồm 03 Block chung cư 09 tầng lô D1, D2, D3). Buộc Ngân hàng xóa thế chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B về việc: Buộc Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty C còn nợ quá hạn tạm tính đến ngày 30/10/2020 là 47.890.580.839 đồng (trong đó nợ gốc: 18.319.065.046 đồng, lãi trong hạn: 21.022.537.975 đồng, lãi quá hạn: 8.548.977.818 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền bị đơn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do Bản án có dấu hiệu không phù hợp với quy định pháp luật và tình tiết khách quan của vụ án, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của VCB (một ngân hàng thương mại cổ phần có trên 74,8% vốn điều lệ sở hữu Nhà nước).

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V.

2. Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C trả cho VCB Chi nhánh B số tiền tạm tính đến ngày 30/10/2020 là 47.890.580.839 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán hết số nợ cho VCB Chi nhánh B.

3. Nếu Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C thì VCB được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường và các tài sản khác của Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V để thu hồi nợ.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần N- Chi nhánh B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đồng thời, nếu yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo Ngân hàng Thương mại cổ phần N- Chi nhánh B.

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Đại diện Pháp luật nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm. Đại diện ủy quyền bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, nếu yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét kháng cáo toàn bộ Bản án 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên Tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền Ngân hàng đưa ra căn cứ Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 quy định: Nghĩa vụ được bảo đảm “*Bên thế chấp đồng ý thế chấp và Ngân hàng đồng ý nhận thế chấp Tài sản thế chấp quy định Điều 2 hợp đồng này để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của bên thế chấp cho Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số 180BVL1 ngày 12/5/2010 ký bên thế chấp và Ngân hàng*”. Với căn cứ này Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V và vẫn giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp (Khu lưu trú Công nhân KCN V gồm 03 Block chung cư 09 tầng lô D1, D2, D3).

Với căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 180BVL1 ngày 12/5/2010 được ký kết giữa Công ty V và Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 giữa Công ty V và Ngân hàng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sở hữu công trình xây dựng hình thành trong tương lai (Kèm theo Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 giữa Công ty V và Ngân hàng) Số: SĐBS-04/TC/BSG19-QLN; Biên bản xác nhận nợ số 854/KCNVL-KHTCKT ngày 25/6/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác.

Căn cứ nội dung Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 phạm vi tài sản thế chấp để này để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của bên thế chấp cho Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở nợ gốc,

nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh liên quan đến hợp đồng tín dụng số 180BVL1 ngày 12/5/2010 ký bên thế chấp và Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện ủy quyền Ngân hàng xác nhận Công ty V đã tắt toán Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 180BVL1 ngày 12/5/2010, hiện tại Công ty V số dư nợ là 0 đồng; số lãi vay 0 đồng. Đại diện ủy quyền Ngân hàng xác nhận ngoài Hợp đồng tín dụng 180BVL1 ngày 12/5/2010 giữa Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B ký với Công ty V thì không còn Hợp đồng tín dụng nào khác và Công ty V cũng không còn khoản nợ nào khác với Ngân hàng. Mặt khác, các bên đương sự xác nhận tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 giữa Công ty V và Ngân hàng; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sở hữu công trình xây dựng hình thành trong tương lai (Kèm theo Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 giữa Công ty V và Ngân hàng) Số: SĐBS-04/TC/BSG19-QLN không thế chấp, cầm cố và bảo đảm cho khoản vay nào khác tại Ngân hàng.

Tuy nhiên Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V liên quan đến công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010 đang được Tòa án nhân dân Quận 5 thụ lý giải quyết.

Về yêu cầu phản tố: Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B yêu cầu Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C trả cho VCB Chi nhánh B số tiền tạm tính đến ngày 30/10/2020 là 47.890.580.839 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán hết số nợ cho VCB Chi nhánh B. Nếu Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C thì VCB được quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT54504 ngày 23/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường và các tài sản khác của Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V để thu hồi nợ.

Chứng cứ yêu cầu phản tố do bị đơn đưa ra là: căn cứ Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 084/TC/VL13-HS ngày 13/9/2013 và công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010, bên bảo lãnh Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V và bên được bảo lãnh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C gửi Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh V.

Về công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010 căn cứ Điều 361, Điều 366 và Điều 369 Bộ luật dân sự 2005, cấp sơ thẩm phải làm rõ bên được bảo lãnh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C, nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh. Cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V và đại diện ủy quyền Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B đều xác nhận và cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để làm rõ các tình tiết đến việc kiện khác mà Ngân hàng đã nộp trong hồ sơ (Bút lục 41-44) liên quan đến

công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010 đang được Tòa án nhân dân Quận 5 thụ lý giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 118/2014/TLST-KDTM ngày 04/11/2014, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Giữa nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng C; Người liên quan: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư L; Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V. Mặt khác, Tòa án nhân dân Quận 5 có công văn xác nhận hiện đang thụ lý giải quyết vụ việc nói trên có liên quan đến công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010. Như vậy, công văn cam kết bảo lãnh ngày 19 tháng 11 năm 2010 đang được giải quyết trong một vụ kiện khác tại Tòa án nhân dân Quận 5 vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 118/2014/TLST-KDTM ngày 04/11/2014 có trước khi thụ lý yêu cầu phản tố tại hồ sơ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 50/2020/TLST-KDTM ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp này cấp sơ thẩm phải xác minh làm rõ yêu cầu phản tố của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

[5] Từ những nhận định nói trên, căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, căn cứ Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0062846 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B Tân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 313; Khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 129/2020/KDTMST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, giữa: Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Khu Công Nghiệp V; bị đơn: Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2.2 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh B là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0062846 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B Tân Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận B Tân;
- Chi cục THADS quận B Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Thảo